

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ ÔN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 24/02/2021  
V/v tranh chấp ly hôn  
và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hải Nam

Ông Trần Văn Ân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Nguyễn Mộng Cẩm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 314/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lã Thị V, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã D, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- **Bị đơn:** Anh Huỳnh Ngọc N, sinh năm 1990.(Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã T2, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 01/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lã Thị V trình bày: Chị và anh Huỳnh Ngọc N thành hôn vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long ngày 08/08/2007. Thời gian vợ chồng chung sống được khoảng 05 năm lúc đầu có hạnh phúc, sau thường phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm nên vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2012 nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, chị yêu cầu được ly hôn với anh N. Về con chung, vợ chồng có

02 con chung tên Huỳnh Thái T, sinh ngày 11/06/2007 và Huỳnh Thúy A, sinh ngày 29/11/2012 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung chị V không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn là anh Huỳnh Ngọc N. Đồng thời triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hoà giải nhiều lần nhưng phía anh N không trình bày ý kiến bằng văn bản gởi cho Tòa án. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên toà nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do.

Cháu Huỳnh Thái T và cháu Huỳnh Thúy A trình bày: Nguyên vọng con muốn được sống với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 22/12/2020 ông Huỳnh Văn O cha ruột của anh Huỳnh Ngọc N trình bày: Chị Lã Thị V và anh Huỳnh Ngọc N thành hôn sống chung tại nhà ông một thời gian. Sau đó, vợ chồng đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông không biết xảy ra mâu thuẫn gì chị V đã đưa con về Bắc sinh sống, vợ chồng anh N cắt đứt quan hệ nhiều năm nay. Các con chung của chị V anh N hiện do chị V chăm sóc nuôi dưỡng, cháu được chăm sóc tốt và học hành đầy đủ.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện cơ bản đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không gởi văn bản trình bày ý kiến, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa là vi phạm Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lã Thị V. Xử cho chị Lã Thị V được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc N.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thái T, sinh ngày 11/06/2007 và Huỳnh Thúy A, sinh ngày 29/11/2012 cho chị Lã Thị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lã Thị V có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Lã Thị V có văn bản đề nghị xin vắng mặt. Bị đơn anh Huỳnh Ngọc N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về hôn nhân: Chị Lã Thị V và anh Huỳnh Ngọc N thành hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long ngày 08/8/2007 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống chị Lã Thị V trình bày vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã cắt đứt quan hệ từ năm 2012 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập anh Huỳnh Ngọc N nhiều lần đến tham gia hòa giải nhằm giúp đỡ chị V, anh N đoàn tụ nhưng anh N vắng mặt không lý do và chị V có văn bản đề nghị vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án. Chứng tỏ, chị V, anh N không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lã Thị V là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Giữa chị Lã Thị V và anh Huỳnh Ngọc N có 02 con chung là Huỳnh Thái T, sinh ngày 11/06/2007 và Huỳnh Thúy A, sinh ngày 29/11/2012 hiện đang sống chung với chị V. Chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi chị V, anh N chấm dứt quan hệ vợ chồng cháu T và cháu A do chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, hai cháu phát triển bình thường được học hành đầy đủ và 02 cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Mặc khác, anh N đã được thông báo về nội dung khởi kiện của chị V nhưng anh N không có ý kiến phản đối về việc chị V yêu cầu tiếp tục nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Huỳnh Thái T, sinh ngày 11/06/2007 và Huỳnh Thúy A, sinh ngày 29/11/2012 cho chị Lã Thị V tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị V là người đang trực tiếp nuôi con, tại đơn khởi kiện chị V có yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/con. Nhưng tại văn bản ngày 06/10/2020 chị V không yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi ý kiến của chị V là hoàn toàn tự nguyện,

không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Lã Thị V và anh Huỳnh Ngọc N không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lã Thị V có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lã Thị V ly hôn với anh Huỳnh Ngọc N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Huỳnh Thái T, sinh ngày 11/06/2007 và Huỳnh Thúy A, sinh ngày 29/11/2012 cho chị Lã Thị V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Lã Thị V có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0016387 ngày 01/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị Vi đã nộp đủ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã T2 (GCNKH số 76,  
QS I/07, ngày 08/8/2007;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Thu Nga**